

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2019/DSST

Ngày: 16/12/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Phạm Thị Thiện*.

2. Bà *Nguyễn Trường Hoa*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký

Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT.

Vào ngày 16/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2019/TLST- DS ngày 28 tháng 08 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2019/QĐST-DS ngày 29/11/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Lê H T**, sinh năm 1978.

ĐKTT: 216/26/16 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận NK, thành phố CT.

* Bị đơn: Bà **Trần H N**.

Địa chỉ: 189/5 khu vực 5, quốc lộ 1A, phường An Bình, quận NK, thành phố CT.

Nơi công tác: **Trường THCS TNQ**.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, phường An Bình, quận NK, thành phố CT.

(*Các đương sự có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Nguyễn Lê H T trình bày*: Do quan hệ quen biết nên vào ngày 25/12/2016, nguyên và bị đơn có ký biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng. Vào ngày 15/01/2017, bị đơn tiếp tục vay số tiền 65.000.000 đồng nhưng đến ngày 23/03/2017 thì mới viết giấy xác nhận nợ.

Sau khi làm biên nhận, viết giấy xác nhận nợ thì phía bị đơn không trả gốc và đóng lãi cho đến nay.

Nay thấy quyền lợi bị ảnh hưởng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần H N trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 165.000.000 đồng (Một trăm

sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 2%/tháng tính từ ngày viết biên nhận, giấy xác nhận nợ cho đến khi trả xong khoản vay.

Theo bị đơn – bà Trần H N trình bày: Do quan hệ quen biết nên có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần. Giữa hai bên giao dịch vay mượn tiền từ tháng 01/2013 cho đến ngày 25/12/2016 thì mới viết biên nhận chốt lại số tiền 100.000.000 đồng, trong số tiền này có 10.000.000 đồng là tiền lãi. Từ khi vay tiền thì bà đóng tiền lãi cho nguyên đơn từ năm 2013 đến tháng 11/2016, sau đó do điều kiện kinh tế khó khăn nên ngưng đóng lãi.

Vào ngày 30/01/2013, bà xác định vay tiền của bà T với số tiền 50.000.000 đồng và đóng lãi suất 6%/tháng, sau ngày 10 của tháng trả gốc, lãi. Tháng 02/2013, bà vay tiền lại của bà T với số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất 6%/tháng. Đến 05/2013, tiếp tục vay với số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất 6%/tháng. Tổng tiền gốc 90.000.000 đồng và vào ngày 05/04 hàng tháng đóng lãi 5.400.000 đồng/tháng, bà đã đóng tiền lãi cho đến ngày 05/06/2014.

Ngày 15/06/2014, bà vay mượn thêm số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Đến ngày 15/07/2014, bà đóng lãi cho tiền gốc 03 khoản vay tổng cộng 155.000.000 đồng tương ứng tiền lãi 11.900.000 đồng/tháng.

Vào năm 2016 và đầu năm 2017, bà có trả nhiều lần tổng cộng 17.700.000 đồng tiền gốc cho nguyên đơn. (Trong đó: Ngày 05/11/2016 trả 1.000.000 đồng, ngày 30/11/2016 trả 1.000.000 đồng, ngày 03/12/2016 trả 1.000.000 đồng, ngày 28/12/2016 trả 700.000 đồng, ngày 15/01/2017 trả 400.000 đồng, ngày 30/01/2017 trả 1.700.000 đồng, ngày 25/03/2017 trả 600.000 đồng, tháng 06/2017 trả 3.000.000 đồng, tháng 7/2017 trả 3.000.000 đồng, tháng 8/2017 trả 3.000.000 đồng, từ tháng 9/2017 đến tháng 10/2018 trả nhiều lần tổng cộng 2.700.000 đồng). Bà xác định chữ ký, chữ viết trên biên nhận và giấy xác nhận mà nguyên đơn cung cấp là của bà. Việc vay tiền là có nên bà đồng ý trả tiền nợ gốc 165.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi tiếp vì trước đó đã đóng tiền lãi cho nguyên đơn quá nhiều.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần H N phải trả cho nguyên đơn nợ gốc tổng cộng với số tiền 165.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày viết biên nhận nợ lần sau cùng vào ngày 23/03/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn xác định hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên chỉ đồng ý trả nợ gốc với số tiền tổng cộng 165.000.000 đồng và đối với phần tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay tổng cộng 165.000.000 đồng và tiền lãi theo biên nhận, giấy xác nhận mà bị đơn đã ký. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Bộ luật dân sự điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự mà cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Mặc khác, bị đơn bà Trần H N có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận NK, thành phố CT nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:*

Nguyên đơn yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền 165.000.000 đồng theo biên nhận, giấy xác nhận mà bà N đã ký. Cơ sở để nguyên đơn yêu cầu là tờ “*Biên nhận*” được lập vào ngày ngày 25/12/2016 và “*Giấy xác nhận*” ngày 23/03/2017 không được công chứng, chứng thực và có chữ ký của bị đơn.

Nhận thấy, tại nội dung của biên nhận, giấy xác nhận ghi rõ số tiền vay, thời hạn vay, cam kết về việc trả nợ Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết trên biên nhận, giấy xác nhận là của bị đơn và cũng không cung cấp chứng cứ, chứng minh rằng việc ký biên nhận là không tự nguyện hoặc đã thanh toán khoản nợ vay này cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn cũng đồng ý trả số tiền 165.000.000 đồng cho nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do bà N là người trực tiếp ký biên nhận nợ nên bà phải là người có nghĩa vụ đối với số nợ đã ký nhận. Vì vậy, cần tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 165.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Đồng thời, bà N xác định có đóng lãi cho nguyên đơn nhiều lần, bà có cung cấp tài liệu thể hiện việc liệt kê trả tiền lãi hàng tháng cho nguyên đơn. Qua các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp không thể hiện việc nguyên đơn có ký xác nhận là nhận tiền lãi, bị đơn cũng xác định việc lập bản liệt kê này là do bị đơn tự liệt kê để ghi chú việc đóng lãi, có đề nghị nguyên đơn xác nhận ký tên nhưng nguyên đơn không đồng ý, trong quá trình công khai chứng cứ nguyên đơn cũng không thừa nhận việc có nhận tiền lãi từ bị đơn. Mặc khác, bản liệt kê tiền lãi mà bị đơn cung cấp thể hiện việc đóng lãi trước thời điểm các bên ký biên nhận và giấy xác nhận nợ. Bên cạnh đó, bị đơn cũng không có đơn yêu cầu phản tố để yêu cầu khấu trừ số tiền này vào nợ gốc, nợ lãi mà chỉ trình bày cũng như không cung cấp bản chính để đối chiếu. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét khấu trừ tiền lãi vào nợ gốc cho bị đơn. Sau này, bị đơn xác định quyền lợi bị ảnh hưởng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 12%/năm tính từ ngày viết biên nhận nợ sau cùng là ngày 23/03/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất này phù hợp với quy định và thời gian tính lãi từ ngày viết biên nhận sau cùng là ngày 23/03/2017 là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ ngày 23/03/2017 đến ngày 16/12/2019 tương ứng: 32 tháng 23 ngày x 165.000.000 đồng x 12%/năm = 54.065.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là: 165.000.000 đồng + 54.065.000 đồng = 219.065.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê H T.

Buộc bị đơn bà Trần H N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Lê H T số tiền nợ gốc 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 23/03/2017 đến ngày 16/12/2019 với số tiền 54.065.000 đồng (Năm mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chưa thanh toán.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 10.953.000 đồng (Mười triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn đồng), nguyên đơn được nhận lại 6.659.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001670 ngày 26/08/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NK, thành phố CT.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- **Nơi nhận:**

- + VKSND Q. NK;
- + Chi Cục THADS Q. NK;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN THỊ HỒNG GÁM